

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2024/HS-ST

Ngày: 30 -7-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Kha và ông Vũ Văn Diệm

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Cao Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Thị H, T gọi khác: Không; Sinh năm 2004 tại Bình Phước; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: S'Tiêng; Tôn giáo: Tin Lành; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nữ; Con ông **Điểu H**, sinh năm 1974 và bà **Thị P**, sinh năm 1984; Bị cáo sống chung như vợ chồng với **Nguyễn Công L**, sinh năm 1996, có 01 con chung sinh năm 2021; Tiền án: Không;

Tiền sự: 01.

Ngày 13/11/2022, bị cáo bị Phó Trưởng **Công an thành phố Đ** ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản", bị cáo chưa đóng tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: **Dương Minh T1**; Sinh ngày 03/7/2006; Trú quán: **Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước** (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Điểu H**, sinh năm 1974; Trú tại: **ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước** (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. **Trần Văn P1**; Sinh năm 1972; Trú quán: **Ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước** (Vắng mặt).
2. **Vũ Duy Q**; Sinh năm 1998; Trú tại: **Ấp C, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước** (Vắng mặt).
3. **Đinh Trọng L1**; Sinh năm 1988; Trú tại: **Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước** (Vắng mặt).
4. **Lê Thị Mỹ D**; Sinh năm 1995; Trú tại: **Ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 04/01/2024, Thị H đăng tải ảnh chụp khiêu gợi (hở phần nửa ngực trên) trên mạng xã hội facebook qua nick của **H1** có tên “**Hồ Mỹ H2**”. Sau khi đăng tải ảnh khoảng 01 giờ đồng hồ thì **Dương Minh T1** sử dụng nick facebook tên “**Dương Minh T1**” vào bình luận hình ảnh của **Thị H3** mới đăng với nội dung “ngực to và mông to, nhìn vậy sao chịu nổi”. Thấy **T1** bình luận như vậy, **H3** sợ chồng **H3** tên **Nguyễn Công L** ghen tuông nên **H3** nhắn tin qua messenger chửi **T1** với nội dung “không biết người ta có chồng hả, tại sao lại nhắn tin như vậy” đồng thời **H3** chụp màn hình lưu nội dung bình luận lại. Sau khi **H3** nhắn tin chửi **T1** xong, **T1** sợ nên liền xóa bình luận đi. Thời gian này **H3** đã nhiều lần đe dọa uy hiếp **Dương Minh T1** chiếm đoạt tiền của **T1** cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng 11 giờ ngày 07/02/2024, **H3** nhắn tin messenger cho **T1** với nội dung “Nếu mà còn nhắn tin cho chị như vậy nữa thì chị sẽ đăng những dòng tin nhắn này lên facebook, giờ em chuyển cho chị ba trăm nghìn đi rồi chị không đăng những tin nhắn đó lên facebook”, lo sợ Hoa đăng tải thông tin lên mạng xã hội, **T1** nhắn tin xin giảm số tiền xuống 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) thì **H3** đồng ý. **H3** yêu cầu **T1** chuyển khoản qua số tài khoản 5615205012333 mở tại **Ngân hàng A** của anh **Trần Văn P1**. Sau khi **T1** thông báo chuyển khoản thành công thì **H3** đến gặp anh **P1** để lấy tiền và tiêu xài cá nhân.

- Lần 2: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên **H3** đã nảy sinh ý định tiếp tục ép buộc **T1** phải đưa tiền cho **H3**. Để thực hiện hành vi, khoảng 10 giờ ngày 12/3/2024, **H3** sử dụng nick facebook tên “**Hồ Mỹ H2**” gọi điện và nhắn tin vào nick facebook của **T1** tên “**Dương Minh T1**” với nội dung sẽ làm đơn tố cáo **T1** lên cơ quan Công an vì lý do vào ngày 04/01/2024, **T1** đã có hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm của **H2** trên mạng facebook. Mục đích **H2** làm như vậy để uy hiếp tinh thần của **T1** nhằm chiếm đoạt tiền từ **T1**. Sau đó, **H2** nói **T1** nếu không muốn vụ việc bị tố cáo đến cơ quan Công an thì phải đưa cho **H2** số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), **H2** sẽ bỏ qua. Thấy **H2** nói vậy, **T1** lo sợ đồng ý. Sau đó, **H2** đưa tài khoản của bạn **H2** tên **Lê Thị Mỹ D** (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nhà ở **ấp B, xã T** số 65510000373486 mở tại **Ngân hàng B** cho **T1** nhưng **T1** nói **H2** không có tiền trong tài khoản chỉ có tiền mặt và hẹn gặp mặt **H2** ở **thành phố Đ** để đưa tiền. Đến 12 giờ ngày 13/3/2024, **T1** gọi cho **H2** qua facebook nói

đã đi xe máy cầm tiền xuống **D** và yêu cầu **H2** ra lấy. Lúc này, **H2** lấy điện thoại gọi cho bạn tên **Vũ Duy Q** nhờ **Q** đến gặp **T1** lấy tiền hộ **H2** thì **Q** đồng ý. Do **Q** có việc bận nên nhờ **Dinh Trọng L2** đến gặp **T1** lấy tiền cho **Q**. Sau khi lấy được **Q** sử dụng số tài khoản 0819777776 mở tại **Ngân hàng M** chuyển khoản đến số tài khoản của **D** 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) trừ lại 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) tiền phí xe. Sau đó **H2** đến gặp **D** để lấy tiền.

- Lần 3: Đến khoảng 14 giờ ngày 13/3/2024, khi **H2** đang ở nhà của **H2** thì **T1** gọi cho **H2** nói xin tha thứ và tiếp tục tự nguyện đưa cho **H2** thêm số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). và yêu cầu gặp **H2** để đưa tiền vì lý do sợ đăng tải hình ảnh và báo Công an. **H2** không biết tại sao **T1** lại làm như vậy vì thỏa thuận giữa **H2** và **T1** đã giải quyết xong tại lần thứ 2. nhưng do cần tiền tiêu xài cá nhân, **T1** lại có thiện chí tự nguyện đưa cho **H2**, chứ **H2** hoàn toàn không đòi hỏi nên **H2** đã đồng ý nhận số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và nói **T1** đi đến khu vực ngã 3 **B** thuộc ấp **B**, xã **T**, thành phố **D** để giao tiền. Khoảng 30 phút sau, **H2** thấy **T1** gọi điện cho **H2** nói đang đứng ở gần ngã 3 Bưng Sê nên **H2** nói bỏ ruột mình tên **Điều H** đến lấy tiền. Sau khi đưa tiền cho ông **H**, anh **T1** đến **Công an xã T** trình báo sự việc.

Ngày 14/3/2024, **Thị H3** đã đến **Công an xã T** đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình (bút lục 148 – 150).

o

Tại bản Cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 03/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố bị cáo **Thị H3** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Thị H3** phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Về hình phạt đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Thị H3** mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và hiện đang bị tạm giam nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng có số sim 0338.024.240 đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Bị cáo **Thị H3** tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với biên bản người phạm tội ra đầu thú, vật chứng của vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tranh tụng công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 07/02/2024 và 13/3/2024 **Thị H4** đã có hành vi uy hiếp tinh thần và chiếm đoạt của anh **Dương Minh T1** tổng số tiền 1.200.000đồng tại **thành phố Đ, tỉnh Bình Phước**.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích để có tiền để tiêu xài nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân **Thị Hoa** có nhân thân xấu: Ngày 13/11/2022, bị cáo bị Phó Trưởng **Công an thành phố Đ** ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành.

Bị cáo hai lần phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự về tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Thị H4** trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường khắc phục hậu quả, sau khi phạm tội đã đến công an đầu thú, hiện đang nuôi con nhỏ. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Đối với số tiền 4.000.000đ mà H4 nhận vào ngày 13/3/2024 là do anh Dương Minh T1 chủ động liên hệ và tự nguyện đưa cho H4 nên không có cơ sở xử lý đối với lần nhận tiền này.

Đối với đối tượng Trần Văn P1, Lê Thị Mỹ D, Vũ Duy Q, Đinh Trọng L1 là người giúp H4 nhận số tiền 1.200.000đ từ anh Dương Minh T1, qua điều tra xác minh làm việc những người này không biết số tiền trên do H4 phạm tội chiếm đoạt từ anh T1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng có số sim 0338.024.240 là phương tiện bị cáo thực hiện tội phạm cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Thị H4 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thị H4 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; Thời hạn tù được tính từ ngày 14/3/2024 .

3. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng có số sim 0338.024.240.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0002273, quyển số 0046, ký hiệu D47/2017 ngày 05/7/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước).

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo **Thị H4** phải chịu là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đồng Xoài;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA thành phố Đồng Xoài;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hùng